



Số: 68/21/TB-ĐG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2021

THÔNG BÁO BIỂU PHÍ VỀ KHUNG THÙ LAO DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

- Căn cứ Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản.

Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam thông báo khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo Thông tư 108/2020/TT-BTC như sau:

1. Khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản cho một Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trong trường hợp đấu giá thành được quy định như sau:

a) Mức thù lao tối thiểu: 1.000.000 đồng/01 Hợp đồng (Một triệu đồng/một Hợp đồng);

b) Mức thù lao tối đa tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này nhưng không vượt quá 400.000.000 đồng/01 Hợp đồng (Bốn trăm triệu đồng/một Hợp đồng).

2. Thù lao dịch vụ đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm: thuê giá trị gia tăng và chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 của Luật đấu giá tài sản.

3. Trường hợp đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức đấu giá tài sản các chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ đã được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đấu giá tài sản nhưng tối đa không vượt mức thù lao dịch vụ đấu giá tài sản trong trường hợp đấu giá thành.

4. Việc xác định thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản cụ thể cho từng Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản do người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trên cơ sở kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá và quy định về thù lao dịch vụ đấu giá tại Luật đấu giá tài sản nhưng không cao hơn mức tối đa và không thấp hơn mức tối thiểu của khung thù lao quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020.

BẢNG SỐ 1

MỨC TỐI ĐA THÙ LAO DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TƯƠNG ỨNG KHUNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN THEO GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỐI VỚI TÀI SẢN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 4 LUẬT ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRỪ TÀI SẢN QUY ĐỊNH TẠI BẢNG SỐ 2.

(Theo Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

TT	Giá trị tài sản theo giá khởi điểm/hợp đồng	Mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá tài sản
----	---	--

1	Dưới 50 triệu đồng	8% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	3,64 triệu đồng + 7% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	6,82 triệu đồng + 6% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	14,18 triệu đồng + 5% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	22,64 triệu đồng + 4% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
6	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	32,45 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
7	Từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng	38,41 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
8	Từ trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	40,91 triệu đồng + 3% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
9	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	50,00 triệu đồng + 2% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
10	Từ trên 100 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng	55,00 triệu đồng + 2% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
11	Từ trên 300 tỷ đồng	65,00 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm

Ghi chú: Mức thù lao tối đa tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm không vượt quá 400.000.000 đồng/01 Hợp đồng.

BẢNG SỐ 2

MỨC TỐI ĐA THÙ LAO DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TƯƠNG ỨNG KHUNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN THEO GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỐI VỚI TÀI SẢN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 4 LUẬT ĐẤU GIÁ TÀI SẢN LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HOẶC CHO THUÊ ĐẤT.

(Theo *Thông tư 108/2020/TT-BTC* ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm/hợp đồng	Mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá tài sản
1	Từ 1 tỷ đồng trở xuống	13,64 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm

2	Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	22,73 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
3	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	31,82 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	40,91 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
5	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	50,00 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
6	Từ trên 100 tỷ đồng	59,09 triệu đồng + 1% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm

Ghi chú: Mức thù lao tối đa tương ứng từng khung giá trị tài sản theo giá khởi điểm không vượt quá 400.000.000 đồng/01 Hợp đồng.

Trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Khánh